



Tiểu luận tư tưởng Hồ Chí Minh

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên chúng em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại Học Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện để sinh viên chúng em có một môi trường học tập thoải mái về cơ sở hạ tầng cũng như cơ sở vật chất

Chúng em xin cảm ơn khoa Lý luận chính trị đã giúp chúng em được mở mang tri thức về tư tưởng Hồ Chí Minh, một tư tưởng hết sức quan trọng, đóng vai trò quyết định đối với vận mệnh nước nhà. Qua đó chúng em có thể nhận thức một cách đầy đủ và toàn diện cuộc đời, sự nghiệp, những đóng góp và vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với toàn thể dân tộc Việt Nam

Chúng em chân thành cảm ơn thầy Nguyễn Lâm Thanh Hoàng đã hướng dẫn tận tình để nhóm chúng em hoàn thành tiểu luận này. Hi vọng thông qua những nỗ lực tìm hiểu của tất cả các thành viên, nhóm Bút Bi sẽ giúp các bạn hiểu rõ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về “Thực hiện đại đoàn kết toàn dân” và truyền thống yêu nước nồng nàn, nhân nghĩa, lòng yêu thương và tin yêu con người của nhân dân Việt Nam. Ngoài ra, Bút Bi cũng mong muốn giới thiệu tới các bạn những chính sách ưu đãi, khuyến khích của Đảng và Nhà nước ta hiện nay đối với Việt kiều yêu nước hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống tư tưởng rộng lớn và bao quát mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng nên trong suốt cuộc đời và sự nghiệp của mình. Vậy nên, với những giới hạn về kiến thức và thời gian, trong quá trình tìm hiểu Bút Bi không tránh khỏi thiếu sót, mong thầy và các bạn tận tình góp ý để chúng em hoàn thiện hơn nữa những kiến thức của mình.

Chúng em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Đại đoàn kết toàn dân bao gồm rất nhiều khía cạnh về cách thức cũng như phương pháp xây dựng và phát triển. Trong đó bao gồm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân phải phát huy tổng hợp nội lực từ bên trong; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, kế thừa truyền thống đoàn kết của cha ông cùng những nhận thức tài tình, thông suốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra con đường cách mạng đúng đắn, phát huy tổng hợp sức mạnh toàn dân dựa trên nền tảng kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn, nhân nghĩa, đoàn kết toàn dân; đồng thời phải có lòng khoan dung và lòng tin yêu con người. Do đó việc tìm hiểu rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này là hết sức cần thiết để mỗi chúng ta hiểu rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trong cuộc sống, đối với mọi người, với đất nước. Từ đó, giúp chúng ta xác định một cái nhìn đúng đắn về lòng đoàn kết, nhân nghĩa trong mỗi con người để tự hoàn thiện mình, sống tốt hơn và có ý nghĩa hơn.

2. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

➤ Mục đích: Giúp mọi người nhận thức được tầm quan trọng của lòng yêu nước, của nhân nghĩa, tin yêu con người. Từ đó mỗi cá nhân sẽ tự phát huy hơn nữa lòng nhân nghĩa của bản thân mình để sống tốt hơn, có ý nghĩa hơn

➤ Yêu cầu : Nắm vững được tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân

3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU:

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống nồng nàn yêu nước – nhân nghĩa – đoàn kết dân tộc; đồng thời phải có lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người.

Chính sách đối với Việt kiều yêu nước của Đảng và nước dựa trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

Kết hợp phương pháp logic với so sánh, tổng hợp, phân tích, chứng minh...

5. PHẠM VI NGHIÊN CỨU:

Những tài liệu lịch sử cụ thể cùng hệ thống tư liệu về tư tưởng HỒ Chí Minh

6. KẾT CẤU ĐỀ TÀI:

Gồm có 3 chương:

Chương 1: Cở sở khách quan và những luận điểm cở bản của tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Chương 2: Tư tưởng HỒ Chí Minh về thực hiện đại đoàn kết dân tộc phải kế thừa truyền thống yêu nước – nhân nghĩa – đoàn kết của dân tộc; đồng thời phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người

Chương 3: Sự vận dụng của Đảng và nhà nước ta về chính sách đối với Việt Kiều yêu nước hiện nay.

7. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU:

Nhận thức tầm quan trọng của lòng yêu nước, nhân nghĩa, yêu thương con người. Từ đó ý thức sống có trách nhiệm được nâng cao, giúp sống có ý nghĩa hơn, hoàn thiện hơn nữa thái độ sống của bản thân

NỘI DUNG ĐỀ TÀI

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ KHÁCH QUAN VÀ NHỮNG LUẬN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

1.1. Cơ sở khách quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

1.1.1. Nền tảng văn hóa truyền thống Việt Nam:

Yêu nước là tình cảm và tư tưởng phổ biến, vốn có ở tất cả các dân tộc trên thế giới chứ không riêng gì của dân tộc Việt Nam. Song tư tưởng ấy được hình thành sớm hay muộn, đậm hay nhạt, nội dung cụ thể, hình thức và mức độ biểu hiện cũng như chiều hướng phát triển của nó lại tùy thuộc vào điều kiện lịch sử đặc thù của từng dân tộc. Đối với dân tộc Việt Nam, lòng yêu nước không chỉ là một tình cảm tự nhiên, mà nó còn là sản phẩm của lịch sử được hun đúc từ chính lịch sử đau thương mà hào hùng của dân tộc Việt Nam.

Lịch sử hơn bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam là lịch sử đấu tranh giành lại và bảo vệ nền độc lập tử tay kẻ thù. Chính vì vậy mà tinh thần yêu nước đã ngấm sâu vào tình cảm, vào tư tưởng của mỗi người dân Việt Nam qua tất cả các thời đại, làm nên một sức mạnh kỳ diệu, giúp cho dân tộc ta đánh thắng hết kẻ thù này đến kẻ thù khác cho dù chúng có hùng mạnh đến đâu

Từ ngàn đời nay, đối với người Việt Nam tinh thần yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết trở thành đức tính, lẽ sống, tình cảm tự nhiên của mỗi người. Đó là những triết lý nhân sinh:

“Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng “

Hay :

“Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”

Những điều đó đã phần nào ghi đậm dấu ấn cấu trúc xã hội truyền thống: gia đình gắn với cộng đồng làng xã, gắn với cộng đồng cả nước, nên dân ta có câu: “*Nước mất, nhà tan*”. Truyền thống ấy được thể hiện ngày càng sinh động

qua các thời kỳ lịch sử như *Trần Hưng Đạo*, *Lê Lợi*, *Nguyễn Trãi*, *Quang Trung* và đều được nâng lên thành phép đánh giặc giữ nước, thành kế xây dựng quốc gia xã tắc vững bền

Sự tổng kết những kinh nghiệm thực tế của phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa: Từ các *phong trào Cần Vương*, *Yên Thế cuối thế kỷ XIX* đến các *phong trào Đông Kinh chống thuế đầu thế kỷ XX*, là các thế hệ người Việt Nam đã liên tiếp đoàn kết cùng nhau đứng dậy chống ngoại xâm, mặc dù thất bại song đều nói lên truyền thống yêu nước quật cường của dân tộc. Đó chính là nền tảng hun đúc nên tư tưởng đại đoàn kết toàn dân trong tư tưởng *Hồ Chí Minh*.



Phong trào Yên Thế



Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục



Phong trào Cần Vương



Phong Trào Đông Du

Bác tổng kết: "*Dân tộc ta có một lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần*

ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, lướt qua mọi khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và cướp nước. . ." .

1.1.2. Hồ Chí Minh kế thừa tư tưởng đoàn kết trong kho tàng văn hóa nhân loại:

Bác gạn đục khơi trong, tiếp thu tư tưởng đại đồng, nhân ái, thương người như thương mình, nhân, nghĩa, trong học thuyết Nho giáo.

Tiếp thu tư tưởng lục hòa, cư xử hòa hợp giữa người với người, cá nhân với cộng đồng, con người với môi trường tự nhiên của Phật giáo (năm điều cấm: nói dối, sát sinh, tà dâm, uống rượu, trộm cướp).

Tiếp thu tư tưởng đoàn kết của Tôn Trung Sơn, nhất là Chủ nghĩa Tam dân, chủ trương đoàn kết 400 dòng họ người Trung Quốc, không phân biệt giàu nghèo, chống thực dân Anh, chủ trương liên Nga, ủng hộ Cộng, ủng hộ công nông .

1.1.3. Người trần trở về vấn đề đoàn kết lực lượng chống Pháp và cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới

Người thấy các phong trào chống Pháp của dân ta tuy rầm rộ nhưng đều thất bại, do không quy tụ được sức mạnh của cả dân tộc. Người thấy được những hạn chế trong việc tập hợp lực lượng của các nhà yêu nước tiền bối. (Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học. . . đều yêu nước thương dân, nhưng về tập hợp lực lượng thì các bậc tiền bối này đều có vấn đề, cho nên tập hợp không được rộng rãi, không đầy đủ, cho nên không thể chiến thắng kẻ thù).

Ví dụ : Như Cụ Phan Bội Châu chủ trương tập hợp 10 hạng người chống pháp: Phú Hào, Quý Tộc, Nhi nữ, Anh sĩ, Du đồ, Hôi đảng, Thông ngôn, Kí lục, Bồi bếp, Tín đồ thiên chúa giáo nhưng thiếu Công nhân, Nông dân.

Đi khắp các thuộc địa và Chủ Nghĩa Đế Quốc, nhưng chưa thấy dân tộc nào làm Cách Mạng giải phóng thành công, do thiếu sự lãnh đạo đúng đắn, chưa biết tổ chức đoàn kết lực lượng .

Nghiên cứu Cách Mạng tháng 10 Nga, người thấy nổi bật bài học về đoàn kết tập hợp lực lượng công nông để làm Cách Mạng giành chính quyền và bảo

vệ chính quyền cách mạng non trẻ, đánh tan sự tấn công của 14 nước đế quốc và bọn Bạch Vệ, xây dựng đất nước theo con đường Xã Hội Chủ Nghĩa.

1.1.4. Tiếp thu quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lê Nin về đoàn kết lực lượng trong Cách Mạng Xã Hội Chủ Nghĩa.

Chủ nghĩa Mác - Lê Nin phát hiện ra quy luật xã hội là sản xuất vật chất, nhờ đó phát hiện ra vai trò quyết định sự phát triển xã hội của quần chúng nhân dân.

Sự vận động của xã hội luôn gắn với một giai cấp nhất định mà giai cấp đó đứng ở một trung tâm của thời đại. Thời đại ngày nay giai cấp công nhân là giai cấp đứng ở trung tâm thời đại mới, có lợi ích phù hợp với lợi ích của nông dân và các giai tầng lao động khác, vì thế giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng, tổ chức đoàn kết mọi giai tầng xã hội, đoàn kết cả dân tộc, cả quốc tế, các dân tộc bị áp bức để thủ tiêu Chủ Nghĩa Tư Bản, xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội, Chủ Nghĩa Cộng Sản .

Để đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng, trước hết phải thiết lập liên minh công nông, lấy đó làm nòng cốt, sau đó sẽ đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng bên trong và bên ngoài.

Bác viết: Lênin là hiện thân của tình anh em bốn bể, là tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết, tập hợp các lực lượng cách mạng trên thế giới vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

1.2.5. Yếu tố chủ quan của Hồ Chí Minh

Là người có lòng yêu nước thương dân vô bờ bến, trọng dân, tin dân, kính dân, hiểu dân, trên cơ sở nắm vững dân tình, dân tâm, dân ý. Người luôn chủ trương thực hiện dân quyền, dân sinh, dân trí, dân chủ. Vì vậy người được dân yêu, dân tin, dân kính phục.

Đó chính là cơ sở của mọi tư tưởng sáng tạo của Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng đại đoàn kết của Người.

1.2. Những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.

1.2.1. Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc được xem là vấn đề sống còn của cách mạng Việt Nam, là tư tưởng chiến lược xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng có thể tập hợp được, tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được, nhằm hình thành sức mạnh to lớn của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh đã nêu lên một số luận điểm có tính chân lý như:

- Đoàn kết làm ra sức mạnh; "Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công".
- Đoàn kết là điểm mẹ. "Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt...".

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công"

1.2.2. Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng .

Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của cách mạng là đại đoàn kết dân tộc. Trong buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam vào tháng 3 năm 1951, Người đã thay mặt Đảng tuyên bố trước đồng bào rằng: "*Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ Quốc*".

Mục tiêu tổng quát của toàn bộ cách mạng Việt Nam theo Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Để thực hiện mục tiêu đó, Người đã đề ra nhiều mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phải giải quyết trong từng thời kỳ, giai đoạn. Nhưng muốn thực hiện tất cả các mục tiêu đó thì phải phát huy được lực lượng của toàn dân, nghĩa là phải xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc. Vì vậy, mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, của cách mạng phải là xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vào điều kiện cụ thể của Việt

Nam; đồng thời là sự kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người .

Theo Hồ Chí Minh, đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, mà còn là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc. Bởi đại đoàn kết dân tộc chỉ có được khi nó là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng. Chỉ khi quần chúng nhân dân nhận thức được, muốn hoàn thành sự nghiệp cách mạng của mình, do mình và vì mình, trước hết mình phải đoàn kết lại, phải đồng tâm nhất trí thì khối đại đoàn kết dân tộc mới trở thành hiện thực.

1.2.3. Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm dân dùng để chỉ "mọi con dân nước Việt", mỗi một người "con rồng cháu tiên", không phân biệt "già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, quý, tiện". Đại đoàn kết dân tộc có nghĩa là phải tập hợp được mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung.

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, Người đã đưa ra những yêu cầu mang tính nguyên tắc sau:

- Phải kế thừa truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa của dân tộc, phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Hồ Chí Minh cho rằng ngay cả đối với những người lầm đường, lạc lối nhưng đã biết hối cải, chúng ta vẫn kéo họ về phía dân tộc, vẫn đoàn kết với họ.
- Phải xác định mẫu số chung để quy tụ mọi người vào khối đại đoàn kết toàn dân. Đó là nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc, là cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc của nhân dân.
- Phải xác định nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân là liên minh công nông và lao động trí óc. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng được mở rộng.

1.2.4. Đại đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất, có tổ chức là Mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Cả dân tộc hay toàn dân chỉ trở thành lực lượng to lớn, trở thành sức mạnh vô địch khi được giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức lại thành một khối vững chắc và hoạt động theo một đường lối chính trị đúng đắn. Nếu không có tổ chức, quần chúng nhân dân dù có hàng triệu, hàng triệu người cũng chỉ là một số đông không có sức mạnh.

Để xây dựng trên thực tế tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc, Hồ Chí Minh chủ trương đưa quần chúng nhân dân vào các tổ chức yêu nước phù hợp với từng đối tượng quần chúng và từng bước phát triển của cách mạng, đồng thời Người chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất để tập hợp tất cả các tổ chức và cá nhân yêu nước phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng chung.

Để Mặt trận hoạt động một cách hiệu quả, Người đã đưa ra những nguyên tắc hoạt động sau:

- Hoạt động của Mặt trận phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản Việt Nam là một thành viên trong Mặt trận dân tộc thống nhất, nhưng là thành viên có vai trò lãnh đạo Mặt trận.
- Đảng lãnh đạo Mặt trận bằng chủ trương, đường lối, bằng định hướng chính sách. Lãnh đạo bằng phương pháp giáo dục, thuyết phục, nêu gương, lấy lòng chân thành để cảm hoá, khơi gợi tinh thần tự giác, tự nguyện, hết sức tránh gò ép, quan liêu, mệnh lệnh. Sự đoàn kết trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng sự đoàn kết trong Mặt trận.
- Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, lấy việc thống nhất lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân làm cơ sở.

Nguyên tắc hiệp thương dân chủ là tất cả các vấn đề phải được bàn bạc một cách dân chủ trong tổ chức, sau đó các thành viên trong tổ chức thương lượng, thoả thuận với nhau để đi đến thống nhất ý kiến và hành động. Mặt trận phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ vì Mặt trận là một tổ

chức chính trị - xã hội bao gồm trong đó nhiều tổ chức chính trị - xã hội khác nhau, độc lập và bình đẳng với nhau. Để đi đến nhất trí trong các công việc của Mặt trận thì các tổ chức này phải cùng nhau bàn bạc một cách dân chủ, rồi thương lượng, thỏa thuận với nhau. Cơ sở để đi đến nhất trí là sự thống nhất giữa lợi ích tối cao của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân.

➤ Mặt trận phải được xây dựng trên nền tảng liên minh công nông và lao động trí óc.

➤ Hoạt động đoàn kết trong Mặt trận phải là lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Mặt trận phải xây dựng sự đoàn kết lâu dài và chặt chẽ vì sự nghiệp cách mạng là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn đều có những khó khăn, thử thách to lớn. Để hoàn thành được sự nghiệp cách mạng thì phải huy động lực lượng, phát huy sức mạnh của toàn dân trong mọi thời kỳ, giai đoạn. Do vậy, Mặt trận phải xây dựng khối đại đoàn kết lâu dài và chặt chẽ. Đoàn kết lâu dài ở đây là phải xuyên suốt quá trình cách mạng. Đoàn kết chặt chẽ ở đây là phải đoàn kết từ các gia đình, dòng họ, đơn vị sản xuất, cơ quan, tổ chức, địa phương, v.v.. cho đến cả nước; phải đoàn kết trên tất cả các mặt hoạt động: kinh tế, chính trị, văn hoá, quân sự, ngoại giao, v.v.. Đoàn kết thật sự là đoàn kết tự nguyện được xây dựng trên cơ sở thống nhất về lợi ích của các cá nhân và tổ chức. Đoàn kết chân thành là đoàn kết bao hàm trong đó cả sự đấu tranh, phê bình, góp ý giúp nhau cùng tiến bộ. Đoàn kết thân ái là đoàn kết được xây dựng trên cơ sở tình thương và lòng nhân ái của mỗi người.

CHƯƠNG 2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC PHẢI KẾ THỪA TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC – NHÂN NGHĨA – ĐOÀN KẾT CỦA DÂN TỘC ; ĐỒNG THỜI PHẢI CÓ TÂM LÒNG KHOAN DUNG , ĐỘ LƯỢNG, TIN VÀO NHÂN DÂN, TIN VÀO CON NGƯỜI

Trong toàn bộ những bài báo bài viết của Hồ Chí Minh theo thống kê có đến **40%** bài báo, bài viết, bài nói về đại đoàn kết, qua đó ta thấy được tầm quan trọng của đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Lời đầu tiên trong bản di chúc của Hồ Chí Minh cũng như lời cuối cùng trong bản di chúc thì Hồ Chí Minh đều nhắc tới “*đại đoàn kết*”. Lời đầu tiên Người nói: “*Trước khi tôi qua đời tôi để lại vài lời dặn dò như sau: Trước hết nói về đoàn kết các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ phải gìn giữ sự đoàn kết như gìn giữ con người của mắt mình*”, còn lời cuối cùng của Người: “*Điều mong muốn cuối cùng của tôi là toàn Đảng toàn dân toàn quân ta đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh dân chủ độc lập đóng góp xứng đáng vào cách mạng vô sản thế giới*”. Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt, là chiến lược tập hợp lực lượng đấu tranh với kẻ thù dân tộc và giai cấp trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Người đã sử dụng khoảng 2.000 lần cụm từ “*đoàn kết*”, “*đại đoàn kết*” trong các văn bản viết. Người luôn luôn nhận thức đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề sống còn, quyết định sự thành công của cách mạng.

2.1. Đại đoàn kết dân tộc phải kế thừa truyền thống yêu nước – nhân nghĩa – đoàn kết dân tộc:

Truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết là cơ sở quan trọng hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: “*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước*”.

Năm 1951, Hồ Chí Minh thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc nhân buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam: "*Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc.*"

Không dừng lại ở việc xác định đại đoàn kết là mục tiêu, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn khẳng định nhiệm vụ của toàn Đảng là giữ gìn sự đoàn kết. Trong di chúc, Người dặn lại chúng ta "*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*". Nói chuyện với cán bộ tuyên huấn miền núi về cách mạng xã hội chủ nghĩa, Người chỉ rõ: "*Trước cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến, thì nhiệm vụ tuyên huấn là làm sao cho đồng bào các dân tộc hiểu được mấy việc. Một là đoàn kết. Hai là làm cách mạng hay kháng chiến để đòi độc lập, chỉ đơn giản thế thôi. Bây giờ mục đích tuyên truyền huấn luyện là: Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là đấu tranh thống nhất nước nhà*".



Bác Hồ với đồng bào dân tộc

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân rộng rãi nhưng phải xác định lực lượng nào là nền tảng của khối đại đoàn kết. Người chỉ rõ "*Đại đoàn kết tức là trước*

hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết".

Hồ Chí Minh đã nêu ra những luận điểm có tính chất chân lý về đoàn kết. *"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"*. Đại đoàn kết dân tộc chính là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân. Trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, Đảng có nhiệm vụ thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng đấu tranh một cách tự giác, có tổ chức thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, hạnh phúc cho con người.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, các khái niệm dân, nhân dân có một nội hàm rất rộng, người dùng khái niệm này để chỉ *"mọi con dân đất Việt"*, không phân biệt dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, không phân biệt *"già, trẻ, gái trai, giàu nghèo, quý tiện"*. Như vậy dân, nhân dân vừa là một tập hợp đồng đảo quần chúng vừa được hiểu là mỗi con người Việt Nam cụ thể, và cả hai đều là chủ thể của đại đoàn kết dân tộc. Người đã nhiều lần nêu rõ *"Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ"*. Với tinh thần đoàn kết rộng rãi, Người đã dùng khái niệm đại đoàn kết dân tộc để định hướng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong suốt tiến trình của cách mạng Việt Nam.

Muốn thực hiện được việc đại đoàn kết toàn dân thì ta phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng, tin vào nhân dân, tin vào con người:

Người Việt Nam ta có truyền thống *"Đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại"*. Hồ Chí Minh cho rằng ngay đối với những người lầm đường lạc lối nhưng đã biết hối cải, chúng ta vẫn kéo họ về phía dân tộc, vẫn đoàn kết với họ, mà hoàn toàn không định kiến và khoét sâu cách biệt.

Người đã lấy hình tượng năm ngón tay có ngón dài ngón ngắn nhưng tất cả đều nằm trên cùng một bàn tay để nói lên sự cần thiết phải thực hiện đại đoàn

kết rộng rãi. Thậm chí đối với những người trước đây đã chống chúng ta, nhưng nay không chống nữa thì khối đại đoàn kết dân tộc cũng sẽ mở rộng cửa đón tiếp họ. Người đã nhiều lần nhắc nhở “ *Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ*”. Người tha thiết kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước, không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đứng về phe nào; chúng ta hãy thật thà cộng tác vì dân vì nước.

Để thực hiện được đoàn kết, Người căn dặn: “*Cần xoá bỏ hết thành kiến, cần phải thật thà đoàn kết với nhau, giúp đỡ cùng nhau tiến bộ để phục vụ nhân dân, phải tin ở nhân dân, yêu dân*”.

HỒ Chí Minh khẳng định quan điểm đại đoàn kết một cách rộng rãi như trên là vì Người có lòng tin ở dân, tin rằng trong mỗi người, “*ai cũng có ít hay nhiều tấm lòng yêu nước tiềm ẩn bên trong* “. Tấm lòng yêu nước ấy có khi bị bụi mờ che mắt, chỉ cần làm thức tỉnh lương chi thì lòng yêu nước lại bộc lộ. Dân tộc, toàn dân thì là một khối rất rộng lớn gồm hàng chục triệu con người vì vậy phải xác định rõ đâu là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc và những lực lượng nào tạo nên cái nền tảng đó. Về điều này người đã chỉ rõ: “*Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác*”. Người chỉ rõ: “*Lực lượng chủ yếu trong khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất*” .Về sau Người có nêu thêm: lấy liên minh công nông –lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân. Nền tảng càng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng có thể mở rộng, không e ngại bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc.

Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ, Đảng viên phải thấm nhuần quan điểm coi sức mạnh của cách mạng là sức mạnh của nhân dân: "*Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*". Đồng thời, Người lưu ý rằng, nhân dân bao gồm nhiều lứa tuổi, nghề nghiệp, nhiều tầng lớp, giai cấp, nhiều dân tộc, tôn giáo, do đó phải đoàn kết nhân dân vào trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi Đảng, Nhà nước phải xây dựng và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

CHƯƠNG 3: SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIỆT KIỀU YÊU NƯỚC HIỆN NAY

Dân tộc Việt Nam được hiểu là mỗi người dân Việt Nam đang sinh sống, làm ăn ở Việt Nam và những người Việt sinh sống, làm ăn ở nước ngoài có gốc là người Việt Nam, không phân biệt họ là dân tộc thiểu số hay đa số, họ theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo, không phân biệt họ giàu hay nghèo, họ là nam hay nữ, già hay trẻ. Hiện nay ước tính có khoảng 2,7 triệu người Việt Nam đang làm ăn, sinh sống tại gần 90 nước và vùng lãnh thổ, trong đó hơn 4/5 sống ở các nước công nghiệp phát triển, tập trung ở Mỹ (1,3 triệu), Pháp (300.000), Úc (250.000), Canada (trên 200.000), Đức (100.000), Nga (100.000).

Đại đoàn kết toàn dân tộc có nghĩa là phải tập hợp được mọi người dân vào một mục tiêu chung. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "*Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ*".

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài, như: *Nghị quyết 08, ngày 29-11-1993* của Bộ Chính trị về chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; *Chỉ thị số 55-CT/TW, ngày 23-3-1995* của Ban Bí thư Trung ương Đảng hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết 08; *Nghị quyết số 36/NQ-TW, ngày 26-3-2004* của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; *Quyết định số 110/QĐ-TTg, ngày 23-6-2004* của Thủ tướng Chính phủ thông qua Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thực hiện Nghị quyết 36. Chính phủ cũng đã quyết định đổi tên Ban Việt kiều Trung ương thành Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài như một cơ quan quản lý trực thuộc Chính phủ.

Nghị quyết 36/NQ-TW của Bộ Chính trị khẳng định: "*Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước ta với các nước*". Để huy động được hết mọi tiềm năng

của người Việt Nam ở nước ngoài, Nghị quyết 36 còn nhấn mạnh: “Đảng và Nhà nước mong muốn, khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài hội nhập và thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp nước sở tại, chăm lo xây dựng cuộc sống, làm ăn thành đạt, nâng cao tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc, đoàn kết, đùm bọc yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, giữ mối quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước bà con sinh sống với nước nhà, tùy theo khả năng và điều kiện của mỗi người góp phần xây dựng quê hương đất nước, chủ động đấu tranh với các biểu hiện cố tình đi ngược lại với lợi ích chung của dân tộc”.



Họp mặt kiều bào tại TP.HCM

Nhưng điem tích cực:

Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác cộng đồng đã khẳng định cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một “*bộ phận không thể tách rời*” và “*một nguồn lực*” của dân tộc Việt Nam. Trong năm qua, Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và “*Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 36*” được các cấp các ngành tích cực triển khai thực hiện. Kết quả đạt được thể hiện trên các mặt:

Thứ nhất, Nghị quyết đã được quán triệt và phổ biến sâu rộng trong và ngoài nước tạo sự chuyển biến cả về nhận thức và hành động. Ở trong nước, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã giành được sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội. Ủy ban đối ngoại Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, Bộ Ngoại giao và nhiều địa phương đặc biệt là các địa phương có nhiều kiều bào ở nước ngoài như TP Hồ Chí Minh, Quảng Nam, Đà Nẵng, Tiền Giang, Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tây Ninh, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Lâm Đồng, Hải Phòng đã có văn bản cụ thể hoá các nội dung của Nghị quyết, Chương trình hành động có liên quan đến ngành, địa phương mình. Ở nước ngoài, Nghị quyết được các cơ quan đại diện ngoại giao của ta đặc biệt ở các địa bàn có đông người Việt Nam định cư, sinh sống phổ biến rộng rãi đến cộng đồng và được cộng đồng hoan nghênh.

Thứ hai, nhiều chính sách, biện pháp đã và đang được rà soát, sửa đổi hoặc ban hành mới theo hướng ngày càng thuận lợi hơn cho bà con kiều bào, đặc biệt là những chính sách nhằm thu hút trí thức, doanh nhân, nhà đầu tư kiều bào về hợp tác với trong nước, tạo điều kiện ngày càng thuận lợi cho kiều bào nhập xuất cảnh, lưu trú trong đó có việc xem xét miễn thị thực cho một số đối tượng người Việt Nam ở nước ngoài, mở rộng thêm 2 đối tượng người Việt Nam được mua nhà gắn liền với quyền sử dụng đất ở Việt Nam; cho phép kiều bào mua cổ phần của các doanh nghiệp trong nước; tăng cường thông tin cho kiều bào; đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc kết nối các doanh nhân, trí thức kiều bào với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước,... Đồng thời, tiến hành đơn giản hoá các thủ tục hành chính như thủ tục hải



quan, xuất nhập cảnh, cư trú đi lại, hợp pháp hoá các loại giấy tờ, chính sách một giá...

Thứ ba, công tác vận động cộng đồng được thúc đẩy mạnh mẽ theo tinh thần đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh làm điểm tương đồng, chấp nhận những quan điểm khác nhau miễn là không trái với lợi ích chung của dân tộc; không phân biệt quá khứ, chính kiến, hướng tới tương lai; mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước miễn là mong muốn đóng góp vào mục tiêu trên thì đều có chỗ đứng trong khối đại đoàn kết dân tộc. Các chuyến về thăm Việt Nam của ông *Nguyễn Cao Kỳ*, *Thiền sư Thích Nhất Hạnh*, *Nhạc sỹ Phạm Duy* và nhiều người khác đã thể hiện chính sách đó và có tác động tích cực tới cộng đồng.

Trong các chuyến thăm tới các nước có kiều bào ta sinh sống, lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, các Bộ, ngành... đều thông báo nội dung Nghị quyết 36 và đề nghị với chính quyền sở tại tạo điều kiện cho bà con ổn định cuộc sống và hội nhập xã hội sở tại; đồng thời, tiếp xúc, gặp gỡ đồng viên bà con làm tròn trách nhiệm đối với nước sở tại và luôn hướng về đất nước, làm nhịp cầu hữu nghị giữa nước mà bà con sinh sống với Việt Nam.



Các cơ quan đại diện ngoại giao ta ở nước ngoài đặc biệt tại Hoa kỳ, Canada, Pháp, Lào, Thái, Campuchia, Nga, Bỉ, Đức đã làm tốt công tác vận động cộng đồng, công tác đồng viên khen thưởng, tổ chức nhiều hoạt động thích hợp nhằm tập hợp và vận động cộng đồng gắn bó với trong nước, đấu tranh ngăn chặn những hoạt động chống phá của các nhóm người Việt cực đoan; đồng thời, chú trọng tới công tác bảo vệ những quyền lợi hợp pháp của người Việt Nam ở nước ngoài; giải quyết nhanh chóng các yêu cầu chính đáng và hợp pháp của bà

con về các vấn đề quốc tịch, cấp phát hộ chiếu, thị thực, hồi hương, khai sinh, công chứng...

Thứ tư, công tác thông tin văn hoá, khuyến khích giao lưu hội đoàn, văn hoá, thể thao được đẩy mạnh một bước. Các hoạt động giao lưu của cộng đồng với trong nước được mở rộng như các hoạt động Trại hè 2004 cho Thanh niên kiều bào, đón đoàn đại biểu kiều bào tiêu biểu



về thăm đất nước, nhiều nghệ sỹ kiều b; Trại hè thanh niên Kiều bào ộng từ thiện nhân đạo của kiều bào được tạo thuận lợi tại Việt Nam... Việc hỗ trợ cộng đồng dạy và học tiếng Việt đang được các cơ quan trong nước và ở nước ngoài phối hợp triển khai.

Tóm lại, Nghị quyết 36 và Chương trình hành động của Chính phủ đã và đang được các cấp, các ngành triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, theo đúng kế hoạch đề ra. Qua đó, có thể nói, từng bước đã dần hình thành một hệ thống chính sách đồng bộ cũng như một cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành liên quan, tạo nên chuyển biến mới trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Đây là một biểu hiện rõ ràng và cụ thể cho thấy Đảng và Nhà nước Việt Nam quyết tâm tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp đổi mới nói chung cũng như thực hiện Nghị quyết 36, đáp ứng những nguyện vọng chính đáng của bà con, tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho bà con hướng về quê hương, đất nước. Mọi vui buồn, khó khăn của kiều bào, Đảng, Nhà nước và đồng bào trong nước luôn luôn lắng nghe, với sự thông cảm sâu sắc và sẵn sàng sẻ chia. Đồng thời thành tâm mong tất cả kiều bào, không phân biệt về dân tộc, tôn giáo, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài, nguồn gốc xuất thân, cùng tự nguyện đứng vào

khối đại đoàn kết dân tộc để có thể chung sức đồng lòng xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

3.1. Những điểm còn hạn chế

Trước những ưu điểm của Nghị Quyết 36, việc phát huy vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tuyên truyền đường lối đối ngoại của Đảng và chính sách đại đoàn kết dân tộc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, do nhiều nguyên nhân khác nhau:

Thứ nhất, Người Việt di cư ra nước ngoài phần lớn là lý do kinh tế. Ở môi trường xã hội các nước sở tại, bà con phải bươn chải hoặc tập trung cao độ để kiếm sống và duy trì công ăn việc làm nên ít có điều kiện để nắm bắt được các đường lối, chính sách trong nước và tuyên truyền cho bạn bè quốc tế. Đã có một số hoạt động tuyên truyền đối ngoại theo nhóm, cá nhân nhưng phần đông vẫn là do tự phát, thông qua các hoạt động văn hoá - nghệ thuật, các sinh hoạt cộng đồng khác để giới thiệu cho bạn bè thế giới biết về đất nước, con người và văn hoá Việt Nam.

Thứ hai, công tác thông tin, tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta nói chung, chính sách đối ngoại nói riêng đối với bà con kiều bào vẫn còn nhiều hạn chế, thông tin mới đến được các cơ quan đại diện của Việt Nam hoặc đến được một số nhóm cộng đồng, còn phần đông bà con vẫn chưa tiếp cận được nhiều nguồn thông tin, nhất là thông tin về tình hình đất nước và các chính sách của Đảng và Nhà nước. Hình thức vận động kiều bào còn chưa thực sự đổi mới, đa dạng và linh hoạt để có thể quy tụ, động viên bà con tham gia các hoạt động có ích cho cộng đồng, cho quê hương cũng như tuyên truyền đường lối đối ngoại của Đảng với bạn bè quốc tế. Một trở ngại lớn cho công tác thông tin, tuyên truyền là vốn tiếng Việt của một bộ phận không nhỏ kiều bào ngày càng hạn chế, nhất là đối với thế hệ thứ 2 trở đi

Thứ ba, các tổ chức, hội đoàn yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài không đủ mạnh, quy mô nhỏ, ít thành viên, tổ chức lỏng lẻo. Hiện tượng này có thể là kết quả của tình trạng phân tán chia rẽ trong cộng đồng người Việt.

CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

Nhận xét:

Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch HỒ Chí Minh là một tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt, là chiến lược tập hợp lực lượng đấu tranh với kẻ thù dân tộc và giai cấp trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Người đã sử dụng khoảng 2.000 lần cụm từ "đoàn kết", "đại đoàn kết" trong các văn bản viết. Người luôn luôn nhận thức đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề sống còn, quyết định sự thành công của cách mạng.

Kiến nghị:

Trong tình hình hiện nay, để vận dụng tư tưởng HỒ Chí Minh vào việc xây dựng, củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cần chú ý những vấn đề sau đây:

- *Một là*, phải thấu suốt quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- *Hai là*, lấy mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.
- *Ba là*, bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân - tập thể - toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ

quốc, tinh thần tự lực tự cường xây dựng đất nước; xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

➤ *Bốn là*, đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Để phát huy được vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tuyên truyền đường lối đối ngoại của Đảng và chủ trương đại đoàn kết dân tộc của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với bạn bè quốc tế, có nhiều việc phải làm, cụ thể là:

➤ Mục tiêu của công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài là xây dựng một cộng đồng ổn định, thành đạt, hòa nhập vào xã hội và đoàn kết tốt với nhân dân nước sở tại, đồng thời hướng về xây dựng quê hương, đất nước. Để đạt được mục tiêu này, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay và những năm tiếp theo vẫn là tiếp tục triển khai nhóm giải pháp nhằm thực hiện một sự hòa hợp đại đoàn kết dân tộc thực sự. Đây là công việc không đơn giản, do trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vẫn còn một bộ phận tiếp tục nuôi dưỡng thù hận, tìm cách chống phá đất nước, tâm lý mặc cảm quá khứ chưa được xóa bỏ.

➤ Tiếp tục xây dựng và hỗ trợ các tổ chức, hội đoàn yêu nước có điều kiện hoạt động và phát triển. Nâng được danh sách các lực lượng tích cực, cốt cán và có các hình thức đãi ngộ, khen thưởng, động viên thích đáng nhằm tạo điều kiện để cho đội ngũ này có những đóng góp phù hợp với tình hình mới. Đặc biệt, khuyến khích tạo điều kiện cho các hình thức tổ chức sinh hoạt, tập hợp của lớp trẻ, nhất là lực lượng thanh niên, sinh viên, như: Hội Thanh niên Việt Nam tại Pháp, Việt Unity tại Mỹ... củng cố và mở rộng hoạt động.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, giao lưu văn hóa, dạy và học tiếng Việt:
- Đàm phán đưa kênh truyền hình đối ngoại (VTV4) vào truyền hình cáp hoặc truyền hình kỹ thuật số địa phương (bước đầu là tại các khu vực tập trung đông người Việt) để số đông kiều bào có thể dễ dàng tiếp cận, khai thác (việc thu VTV4 qua vệ tinh lâu nay vừa tốn kém cho chi phí ban đầu, vừa phức tạp về kỹ thuật và đối với các gia đình ở chung cư hoặc nhà thuê là không được phép).
- Tăng cường chất lượng các báo điện tử hiện có, hỗ trợ các báo này có chuyên trang về người Việt Nam ở nước ngoài, dịch nội dung sang tiếng Anh, Pháp để phục vụ độc giả người Việt và bạn bè quốc tế. Xuất bản hoặc phối hợp với Việt kiều xuất bản tuần báo hoặc nhật báo tiếng Việt ở các nước, xây dựng thư viện trên mạng.
- Tổ chức hoặc phối hợp tạo điều kiện giúp đỡ các tổ chức văn hóa nghệ thuật, những cá nhân tổ chức các show diễn..., định kỳ đưa các nghệ sỹ trong nước sang biểu diễn phục vụ cộng đồng và bạn bè quốc tế.
- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá nhu cầu dạy và học tiếng Việt, phối hợp với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước nghiên cứu biên soạn bộ sách giáo khoa, chương trình phù hợp cho việc tổ chức dạy tiếng Việt cho con em kiều bào.

KẾT LUẬN

Qua những phân tích trên ta có thể thấy, tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc có một vai trò cực kỳ quan trọng. Nó không chỉ là lời giải đáp đúng đắn cho những bài toán của cách mạng vào thời điểm đó mà còn trong suốt chiều dài lịch sử nó vẫn giữ nguyên giá trị.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam trên 70 năm qua đã chứng minh hùng hồn sức sống kỳ diệu và sức mạnh vĩ đại của tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc, từ chỗ là tư tưởng của lãnh tụ đã trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng đó đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm của tất cả những người Việt Nam yêu nước và biến nó thành hành động cách mạng của hàng triệu, hàng triệu con người, tạo thành sức mạnh vô địch trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Lịch sử cách mạng Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua cho thấy, lúc nào, nơi nào tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của HỒ Chí Minh được quán triệt và thực hiện đúng, thì khi đó, nơi đó cách mạng phát triển mạnh mẽ và giành được thắng lợi. Nơi nào, lúc nào rời xa tư tưởng đó thì khi đó, nơi đó cách mạng bị trở ngại và tổn thất. Ở thời điểm dân tộc ta đang bước vào thế kỷ XXI những thời cơ và thách thức đan xen nhau đang thường xuyên tác động đến khối đại đoàn kết dân tộc. Hơn lúc nào hết, thực tiễn đất nước đòi hỏi chúng ta phải quán triệt những quan điểm của HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển những quan điểm ấy, phù hợp với những biến đổi của tình hình mới. Tư tưởng HỒ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc sẽ ngày càng phát triển, hoàn thiện cùng với thực tiễn biến đổi của đất nước. Tư tưởng ấy vẫn là ngọn nguồn tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam để đi tới thắng lợi hoàn toàn và triệt để của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Việt Nam bước vào hội nhập trong điều kiện đất nước đã hoàn toàn giải phóng, nhân dân được

sống trong hoà bình. Kế thừa và phát huy truyền thống đó, Chủ tịch HỒ Chí Minh và Đảng ta đã luôn luôn coi trọng củng cố và không ngừng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp lãnh đạo nhân dân ta giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Chủ tịch HỒ Chí Minh đã tổng kết thành kinh nghiệm lớn của cách mạng Việt Nam : "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*". Sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta trong bối cảnh mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, giao lưu với thế giới hiện đại, tình hình quốc tế có nhiều biến động khôn lường, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tạo nên tổng hợp lực để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, cần có sự đoàn kết thống nhất cao độ theo tư tưởng HỒ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 1, tr 94.
2. Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, tập 1, tr. 127.
3. Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, sách đã dẫn, tập 2, tr. 256.
4. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 12, tr 108.
5. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, biên niên tiểu sử, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 3, tr. 123.
6. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh, toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 10, tr. 591.
7. Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 4, tr. 217.
8. Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 10, tr. 639.
9. Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 3, tr. 198.
10. Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 4, tr. 418.
11. Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 4, tr. 5 – 6.
12. Hồ Chí Minh, toàn tập, sách đã dẫn, tập 3, tr. 557.